

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN
ÂN THI TỈNH HƯNG YÊN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2020/HNGĐ -ST

Ngày 29/12/2020

"V/v ly hôn "

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ÂN THI - TỈNH HƯNG YÊN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đồng Dục

Các hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Thanh Bình- Cán bộ nghỉ hưu

Ông Trần Quang Chữ - Cán bộ nghỉ hưu

-Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Ái - Thư ký TAND huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên

- Đại diện VKSND huyện Ân Thi tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hữu - Kiểm sát viên

Ngày 29 tháng 12 năm 2020, Tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ân Thi xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 23/2020/TLST - HNGĐ ngày 27/10/2020 về việc ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 03/2020/QĐXX- HNGĐ ngày 27/11/2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 03/2020/QĐST-HNGĐ ngày 14/12/2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Mai Thị H, SN 1983 (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

- Bị đơn: Anh Nguyễn Đức Đ, SN 1981 (vắng mặt)

Đều trú tại: Ấ T 2, H Q, Ân Thi, Hưng Yên

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 17/9/2020 và lời khai của chị H trình bày: Chị và anh Đ kết hôn trên cơ sở tự nguyện, tổ chức cưới vào năm 2009, sau khi cưới vợ chồng chị chung sống cùng với bố mẹ chồng ở trong Nam, do hộ khẩu của vợ chồng chị vẫn ở ngoài quê nên anh chị không có đăng ký kết hôn, mãi đến năm 2015, vợ chồng chị về quê thì mới đi đăng ký kết hôn tại UBND xã Hồng Quang vào ngày 02/6/2015. Vợ chồng chị chung sống với nhau, có thời gian chung sống hòa thuận, hạnh phúc, được khoảng một thời gian vợ chồng phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân một phần do vợ chồng tính tình không hợp nhau do thời gian tìm hiểu nhau ngắn, hơn nữa vợ chồng lấy nhau đã được một thời gian dài mà chưa có con, mặc dù đã chữa trị nhưng đều không có kết quả, mặc khác anh Đ không chịu làm ăn, khoảng một năm trở lại đây vợ chồng chị mâu thuẫn trầm trọng, do mâu thuẫn anh Đ bỏ vào Nam ở với bố

mẹ, chị gọi anh Đ không về. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không thể kéo dài nên chị làm đơn xin ly hôn anh Đ.

Về con chung: Vợ chồng chị không có con chung

Về tài sản chung, công sức, công nợ: Không có nên không đề nghị Tòa giải quyết

Tại biên bản lấy lời khai của bà Nguyễn Thị Phụng (dì ruột của anh Đ) trình bày: Anh Đ, chị H tự tìm hiểu nhau, sau đó về báo cáo 02 gia đình, 02 gia đình nói chuyện và tổ chức cưới cho anh, chị vào năm 2009, anh chị ở với bố mẹ chồng trong miền Nam, năm 2015 anh Đ, chị H về quê đăng ký kết hôn tại UBND xã Hồng Quang, việc anh Đ, chị H chung sống có mâu thuẫn hay không bà không rõ, nhưng anh Đ, chị H đã chung sống hơn 10 năm mà chưa có con, anh chị đã chạy chữa nhiều nơi nhưng không có kết quả. Đến cuối năm 2019, anh Đ, chị H về quê ở với cụ Biệu, sau đó về bên nhà chị H ở, khoảng tháng 8/2020, anh Đ vào Nam ở với bố mẹ. Bà không biết địa chỉ của anh Đ ở trong Nam, bà liên lạc với anh Đ qua Zalo, điện thoại, khi chị H làm đơn ly hôn đã nói với anh Đ, đến nay anh Đ nhất trí ly hôn nhưng do đi lại xa xôi nên anh Đ không về được, bà nhận thay các văn bản tố tụng của Tòa án và đã thông báo cho anh Đ.

Về con chung: Anh Đ, chị H không có con chung.

Về tài sản chung, công sức, công nợ: Anh Đ, chị H có những tài sản gì bà không rõ.

Bà Dương Thị Xuyên (mẹ đẻ của chị H) trình bày: Anh Đ, chị H quen biết nhau do người lớn giới thiệu, anh chị tự tìm hiểu nhau sau đó về báo cáo hai gia đình, hai gia đình nói chuyện và tổ chức cưới cho anh chị vào năm 2009, sau khi cưới anh chị vào trong Nam ở với bố mẹ chồng mà chưa đăng ký kết hôn, đến năm 2015 anh chị mới về quê đăng ký kết hôn tại UBND xã Hồng Quang. Quá trình chung sống ở trong Nam anh Đ chị H mâu thuẫn như thế nào bà không rõ, anh chị lâu không có con, bà liên lạc với chị H thì chị H bảo có đi chạy chữa nhiều nơi nhưng không có kết quả, sau đó chị H còn bảo anh Đ không chịu làm ăn, tiền chữa trị thì nhiều. Bà khuyên anh chị trong đó làm ăn khó khăn thì vợ chồng về ngoài này, cả hai đi làm công ty, có chút tiền thì thụ tinh nhân tạo để có con hoặc xin con nuôi, đến cuối năm 2018 anh chị về quê, về nhà bà ở, anh chị có thời gian chung sống bình thường, vì anh Đ là con rể nên bà vẫn luôn giữ ý để anh Đ không phải mặc cảm, thời gian sau bà thấy anh Đ không chịu làm ăn, chị H nói thì anh Đ còn quát mắng, khoảng 1 năm trở lại đây anh chị thường xuyên cãi nhau, không thể hòa hợp được, nên tháng 9/2020 anh Đ vào Nam ở với bố mẹ, chị H có gọi điện vào cho anh Đ nhưng anh Đ không về. Nay chị H xin ly hôn anh Đ, việc anh chị có ở được với nhau hay không là quyền của anh chị.

Về con chung và tài sản chung: Không có.

Đối với anh Đ: Sau khi thụ lý vụ án Tòa án đã tổng đạt các văn bản tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự nên anh Đ đều vắng mặt không có lý do nên không xác định được yêu cầu, đề nghị của anh Đ trong hồ sơ vụ án.

Tại biên bản xác minh với UBND xã Hồng Quang: Chị H, anh Đ là vợ chồng có đăng ký kết hôn tại UBND xã Hồng Quang vào ngày 02/6/2015. Quá trình anh Đ,

chị H chung sống có mâu thuẫn hay không chính quyền địa phương không nắm được vì theo chính quyền thôn phản ánh chị H, anh Đ chung sống với gia đình chồng ở trong Nam, khoảng 2 năm trở lại đây mới về quê sinh sống cùng bố mẹ đẻ chị H tại Đan Trảng, Hồng Vân. Hiện nay tại địa phương chỉ có họ hàng của anh Đ, còn bố mẹ anh Đ sống trong Miền Nam.

Về con chung: Anh Đ, chị H không có con chung.

Về tài sản chung, công sức, công nợ: UBND xã không nắm được

Tại phiên tòa ngày 14/12/2020: Chị H có mặt, anh Đ vắng mặt lần thứ nhất. Căn cứ khoản 1 Điều 227 của BLTTDS, HĐXX quyết định hoãn phiên tòa.

Tại phiên tòa ngày 29/12/2020: Chị H có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, anh Đ vắng mặt lần thứ 2. Căn cứ điểm b khoản 2 điều 227, khoản 1, 3 Điều 228, điều 238 của BLTTDS, HĐXX tiến hành xét xử vụ án vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

**** Ý kiến và quan điểm của đại diện VKSND huyện tham gia phiên tòa:***

+ Về chấp hành pháp luật tố tụng:

- Trong thời gian chuẩn bị xét xử: Thẩm phán, thư ký chấp hành đúng quy định tại điều 48; 51 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa tuân thủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

- Những người tham gia tố tụng: Nguyên đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ.

+ Về đường lối giải quyết:

Áp dụng: Khoản 1 điều 35, điểm a khoản 1 điều 39, khoản 4 điều 147, điểm b khoản 2 điều 227, khoản 1 điều 228 và điều 238 BLTTDS; khoản 1 điều 51, điều 56 Luật hôn nhân và gia đình 2014.

- Về quan hệ vợ chồng: Xử cho chị Mai Thị H được ly hôn anh Nguyễn Đức Đ.

- Về con chung: Không có.

- Tài sản chung, công nợ, công sức, ruộng canh tác: Không đặt ra giải quyết.

Sau này anh Đ có yêu cầu về tài sản chung; công nợ; công sức có quyền khởi kiện bằng vụ kiện dân sự khác.

- Án phí: Chị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo Nghị quyết số: 326 ngày 30/12/2016 của Quốc hội qui định về mức thu, miễn giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, HĐXX nhận định:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chị H, anh Đ kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của pháp luật và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Hồng Quang vào ngày 02/06/2015. Do đó quan hệ hôn nhân giữa chị H, anh Đ là hợp pháp. Nay chị H có đơn xin ly hôn sẽ được áp dụng Luật Hôn nhân và gia đình để giải quyết theo thủ tục chung. Anh Đ đang cư trú tại Ấ T 2, H Q, Ân Thi nên việc giải quyết vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Ân Thi, theo quy định tại điểm a, khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 BLTTDS.

[2] Xét mâu thuẫn vợ chồng: Chị H xác định vợ chồng kết hôn với nhau từ năm 2009, vợ chồng anh, chị có thời gian đầu chung sống hòa thuận, hạnh phúc, được khoảng một thời gian vợ chồng chị phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do vợ chồng tính tình không hợp nhau, hơn nữa vợ chồng không có con mặc dù đã chữa trị nhiều nơi nhưng không có kết quả, vì chị H nghĩ vợ chồng còn trẻ nên vẫn cố gắng tiếp tục chung sống với nhau, sau đó anh Đ không chịu làm ăn, chị khuyên không được, vì muốn thay đổi môi trường sống nên chị và anh Đ về quê ở từ đầu năm 2019, sau khi về quê vợ chồng chị chung sống với mẹ chị tại Đan Trảng, Hồng Vân, vợ chồng chung sống vẫn tH xuyên cãi nhau theo chị H xác định là do anh Đ không chịu làm ăn, không thay đổi, không nghe ai khuyên bảo, do mâu thuẫn anh Đ bỏ vào trong Nam ở với bố mẹ và không về nữa. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không thể kéo dài nên chị đề nghị Tòa giải quyết cho chị được ly hôn anh Đ, lời khai của chị H phù hợp với lời khai của bà Xuyên (mẹ đẻ của chị H). Quá trình Tòa án thụ lý, giải quyết vụ án Tòa án tiến hành triệu tập hợp lệ anh Đ đến trụ sở Tòa án để tiến hành phân tích hòa giải để anh chị về đoàn tụ. Tuy nhiên anh Đ biết nhưng anh đều vắng mặt không có lý do nên Tòa án không thể hoà giải đoàn tụ vợ chồng cho anh chị được. Như vậy thể hiện anh Đ không còn muốn xây dựng vợ chồng với chị H nữa, hơn nữa anh Đ có thể hiện quan điểm qua bà Phượng là chị H xin ly hôn anh đồng ý ly hôn, căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 hôn nhân giữa chị H, anh Đ đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, anh Đ, chị H không còn thương yêu, quý trọng nhau nữa vì vậy HĐXX chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị H là phù hợp với pháp luật và thực tế vợ chồng.

[3] Về con chung: Anh Đ, chị H không có nên không đặt ra giải quyết.

[4] Về tài sản chung, công sức, công nợ: Chị H không đề nghị Tòa giải quyết nên HĐXX không xem xét tại vụ án này. Tuy nhiên sau này anh Đ có đề nghị Tòa sẽ xem xét ở 1 vụ án dân sự khác.

[5] Về án phí: Chị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Điều 51; Khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình;
- Khoản 1, 3 Điều 228; điều 238; khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự;
- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Đ 1- Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Mai Thị H được ly hôn anh Nguyễn Đức

2- Về con chung: Anh Đ, chị H không có nên không đề nghị Tòa giải quyết.

3- Về tài sản chung, công sức, công nợ: Chị H không đề nghị Tòa giải quyết nên HĐXX không xem xét tại vụ án này. Tuy nhiên sau này anh Đ có đề nghị Tòa sẽ xem xét ở 1 vụ án dân sự khác.

4 - Về án phí : Chị H phải chịu 300.000đ án phí sơ thẩm ly hôn được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị đã nộp theo biên lai thu số 0000679 ngày 27 tháng 10 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ân Thi. Chị H đã nộp đủ.

5- Quyền kháng cáo: Chị H, anh Đ có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- Phòng GDKT và THA tỉnh
- VKSND huyện Ân Thi;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS huyện;
- UBND xã Hồng Quang, Ân Thi;
- Lưu HSVA.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Đồng Dục

